

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 08 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ

Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Khương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLPT - HNGĐ, ngày 28 tháng 3
năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17
tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 20/2022/QĐ-PT ngày 01
tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy O, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 7, ấp X, xã Y,
thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 7, ấp X, xã Y, thị xã Z,
tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Z. Địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã Z, phường Y2, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh C, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Z (Vắng mặt).

2. Văn phòng Công chứng Phan Ngọc K – tỉnh Vĩnh Long. Trụ sở: số 86, Ngõ Quyền, khóm , phường Y2, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp X3, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

4. Bà Lê Thị K, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 9, ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

5. Bà Phan Thị Ánh S, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay: khóm 5, phường Y2, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp X5, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện tại: Số 86, Nguyễn Văn Thành, phường Y2, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/01/2022).

6. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Trụ sở: số 198, Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông A-Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Ông B – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long. Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông C – Chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch Z (Vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 10 ngày 30/3/2021).

7. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch thị xã Z. Địa chỉ: số 193, đường Nguyễn Văn Thành, khóm 2, phường Y2, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông D - chức vụ Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ - Chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Phòng Giao dịch thị xã Z (Vắng mặt).

Do có kháng cáo của: Bà Lê Thị Thúy O – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 30/5/2019, 03/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Thúy O trình bày:*

Vào năm 2001, bà và ông Lê Văn C quen biết tìm hiểu nên quyết định cưới có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Anh T, sinh ngày 18/10/2002 và Lê Ngọc Ng, sinh ngày 18/12/2008. Về tài sản chung vợ chồng có tạo dựng một số tài sản gồm: Thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long, các thửa đất do ông C đứng tên quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị Út N số tiền 615.000.000 đồng; nợ Bà Lê Thị K số tiền 150.000.000 đồng; vay Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Z số tiền 800.000.000 đồng.

Nay bà O yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: yêu cầu được nuôi 02 con là Lê Văn Anh Tuấn, sinh ngày 18/10/2002 và Lê Ngọc Ngân, sinh ngày 18/12/2008, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi phần nợ của bà Nguyễn Thị Út N là 615.000.000 đồng; nợ Bà Lê Thị K là 150.000.000 đồng; nợ Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Z là 800.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/5/2019 giữa ông C với bà Phan Thị Ánh S đối với thửa đất số 264 bà O có ý kiến như sau: Trước khi phát sinh tranh chấp giữa bà và ông C có thỏa thuận thửa đất số 679 sẽ thuộc quyền của ông C, thửa đất số 264 sẽ thuộc quyền sở hữu của bà. Trong thời

gian bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông C đã chuyển nhượng thửa đất số 264 cho bà S và hiện nay bà S đã đứng tên sở hữu đối với thửa đất này. Đây là tài sản chung của bà và ông C trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà và ông C có thỏa thuận phân chia tài sản này. Do đó, bà yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/5/2019 giữa ông C với bà S đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 71, diện tích 80m²; yêu cầu hủy những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long với nội dung “Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ánh S CMND số 331380543, địa chỉ tại ấp X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Vĩnh Long; theo hồ sơ số 008768.CN.001” và công nhận cho bà được quyền sử dụng đất thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

** Đối với bị đơn Lê Văn C: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt và không cung cấp bản khai ý kiến cũng như chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà O.*

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 13/7/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Út N trình bày:*

Bà có cho bà Lê Thị Thúy O và ông Lê Văn C (chồng bà O) vay số tiền 615.000.000 đồng nhưng số nợ này để bà với bà O tự thỏa thuận giải quyết, nếu sau này không thỏa thuận được thì bà sẽ khởi kiện bà O và ông C một vụ kiện khác, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt các lần Tòa mời công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ kiện này.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 03/11/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị K trình bày:*

Bà có cho bà Lê Thị Thúy O và ông Lê Văn C (chồng bà O) vay số tiền 150.000.000 đồng nhưng số nợ này vợ chồng bà O đã trả cho Bà xong, Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt các lần Tòa mời công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ kiện này.

** Tại Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 27/5/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam trình bày:*

Căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y phê duyệt của chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn ngày 24/4/2015 và chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi

trường nông thôn ngày 02/5/2019. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Z đã giải ngân cho hộ gia đình ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thúy O cụ thể như sau: Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay 60 tháng từ ngày 11/5/2015 đến 10/5/2020, mục đích vay cải tạo vườn tạp, tài sản đảm bảo không có (thực hiện ủy thác qua Hội phụ nữ xã Y). Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền vay 10.000.000 đồng; lãi suất 0,75%/tháng; thời hạn vay 60 tháng từ ngày 13/5/2019 đến ngày 10/5/2024; mục đích vay xây dựng công trình nước sạch; tài sản đảm bảo không có (thực hiện ủy thác qua Hội phụ nữ xã Y). Vào ngày 10/5/2020 đến hạn trả nợ chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn của hộ gia đình ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thúy O, Ngân hàng đã gửi thông báo nợ đến hạn cho hộ ông C bà O thì bà O cho biết bà và ông C đã gửi hồ sơ ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã Z. Vì tính chất việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua hộ gia đình là trong hộ gia đình ủy quyền cho 01 người đứng tên giao dịch, tuy nhiên tất cả thành viên trong hộ đều có trách nhiệm với món vay, nên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Z yêu cầu hộ ông C và bà O phải chịu trách nhiệm trả nợ vay và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ vay theo thời hạn đã ký kết với Ngân hàng chính sách xã hội khi tiến hành ly hôn cụ thể như sau: Món vay hộ sản xuất kinh doanh nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 2.529.849 đồng (tạm tính đến ngày 27/5/2020). Tổng cộng là 32.529.849 đồng; Món vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi 936.987 đồng (tạm tính đến ngày 27/5/2020). Tổng cộng 10.936.987 đồng.

** Tại Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 30/3/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) do Ông Trịnh Võ Phúc đại diện hợp pháp trình bày:*

Vào ngày 28/6/2018 ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thúy O có ký hợp đồng số 201/HĐTD-VLO-PGDBM vay của ngân hàng Vietcombank số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất, thời gian vay 180 tháng và vào ngày 09/8/2018 ký hợp đồng số 260/HĐTD-VLO-PGDBM vay số tiền 480.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô tải, thời gian vay là 60 tháng; và ông C, bà O có ký hợp đồng bảo đảm số 115 ngày 28/6/2018 tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 402829 do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/5/2018 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² đất tọa lạc ấp X4 xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và có ký hợp đồng thế chấp số 148 ngày 09/8/2018 là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011873 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/8/2018, loại xe tải có mui nhãn hiệu DOTHANH, biển số 64C – 066.78. Quá trình vay vốn từ ngày 10/7/2019 thì ông C, bà O không còn đóng gốc lãi định kỳ cho Ngân hàng và Ngân hàng có gửi văn bản thông báo nợ đến hạn số 50 ngày 08/7/2019, số 60 ngày 18/7/2019, số 56 ngày 11/7/2019, số 65 ngày 23/7/2019, số 70 ngày 13/8/2019 và số 72 ngày 21/8/2019 và nhiều lần gọi điện, gửi thông báo nhắc nhở đôn đốc ông C, bà O trả nợ, tuy nhiên vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà O trả Ngân hàng Vietcombank số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/3/2021 là 1.047.021.395 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi một nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng) và tính lãi tiếp theo hợp đồng đã ký cho đến khi ông C, bà O trả nợ xong toàn bộ gốc lãi cho Ngân hàng. Yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo đảm số 115/HĐTC-VLO-PGDBM ngày 28/6/2018 và số 148/HĐTC-VLO-PGDBM ngày 09/8/2018 để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng.

** Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 03/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ánh S trình bày:*

Ngày 28/5/2019 bà có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn C thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long với giá chuyển nhượng là 895.000.000 đồng, có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng tại Văn phòng công chứng Phan Ngọc K. Bà có đưa trước ông C số tiền cọc là 400.000.000 đồng, còn lại 495.000.000 đồng bà đưa cho ông C nhận khi công chứng xong tại Văn phòng công chứng Phan Ngọc K. Tổng cộng, bà đưa cho ông C nhận xong số tiền 895.000.000 đồng có sự chứng kiến của ông Nguyễn Công Bình. Bà được Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Z chỉnh lý mặt bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 264, sau đó bà tính xây hàng rào trên đất thì bà O ngăn cản cho rằng thửa đất này của bà O. Nay bà S yêu cầu giải quyết công nhận cho bà được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Nếu không công nhận quyền sử

dụng hợp pháp thừa đất nêu trên thì buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thúy O có trách nhiệm trả lại bà số tiền chuyển nhượng 895.000.000 đồng.

** Tại Công văn số 54/UBND-NC ngày 13/01/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Z tỉnh Vĩnh Long trình bày:*

Ủy ban nhân dân thị xã Z xét thấy vụ việc giữa các bên là tranh chấp dân sự, Ủy ban nhân dân thị xã không có ý kiến, đồng thời xin xét xử vắng mặt tất cả các phiên tòa. Trong quá trình xét xử nếu có phát sinh những vấn đề liên quan đề nghị Tòa liên hệ cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 33; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81. 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 401, 463, 466, 468, 476, 500, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 143 Luật đất đai năm 2013; Điều 34, Điều 147, Điều 165, Điều 166, điểm d khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 04/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 06/4/2016 và Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy O, bà Lê Thị Thúy O được quyền ly hôn ông Lê Văn C.

2. Về con C: Chấp nhận yêu cầu của bà O, bà O được quyền nuôi 02 con C tên Lê Văn Anh T, sinh ngày 18/10/2002 và Lê Ngọc Ng, sinh ngày 18/2/2008. Ông C chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ông C được quyền thăm chăm sóc con C không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản C: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản C của bà O gồm các thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 246, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (các thửa đất do anh C đứng tên quyền sử

dụng đất). Dành cho bà O một vụ kiện khác về chia tài sản C nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

4. Về nợ C:

Không đặt ra xem xét đối với yêu cầu giải quyết nợ của chị O đối với phần nợ 150.000.000 đồng của bà Lê Thị K và phần nợ 615.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Út N. Dành cho bà Út N một vụ kiện khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc chị O và anh C phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 50.975.000 đồng và tính lãi tiếp từ ngày 18/01/2022 theo hợp đồng đã ký cho đến khi chị O và anh C trả xong nợ cho Ngân hàng.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Vietcombank. Buộc chị O và anh C phải trả cho Ngân hàng Vietcombank số tiền 1.128.247.746 đồng (tạm tính đến ngày 16/01/2022) và tính lãi tiếp từ ngày 17/01/2022 theo hợp đồng đã ký cho đến khi chị O và anh C trả xong nợ cho Ngân hàng. Nếu anh C và chị O không trả nợ thì xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo đảm số 115/HĐTC-VLO-PGDBM ngày 28/6/2018 và số 148/HĐTC-VLO-PGDBM ngày 09/8/2018 để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng.

5. Về tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Đình chỉ yêu cầu của bà O yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/5/2019 giữa ông C với bà S đối với thửa đất số 264, diện tích 80m²; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 264, diện tích 80m²; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Ánh S. Công nhận cho bà Phan Thị Ánh S được quyền sử dụng thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà O phải di dời nhà và vật kiến trúc trên thửa đất số 264 để trả đất lại cho bà S.

(Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² và biên bản định giá ngày 05/10/2021).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát định giá; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16/02/2022 nguyên đơn Lê Thị Thúy O kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C với bà S đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 71, diện tích 80m²; yêu cầu hủy những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long với nội dung “Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ánh S CMND số 331380543, địa chỉ tại ấp X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Vĩnh Long; theo hồ sơ số 008768.CN.001” và công nhận cho bà được quyền sử dụng đất thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Lê Thị Thúy O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Bà Phan Thị Ánh S và người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị Ánh S có ông Nguyễn Thành Phú đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O. Đối với căn nhà tiền chế bà O cất trên thửa đất 264 bà xin nhận và bồi hoàn giá trị lại cho bà O số tiền 100.000.000đồng.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị Thúy O; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị Thúy O; Công nhận cho bà Phan Thị Ánh S được quyền sử dụng thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² và sở hữu căn nhà tiền chế gắn liền trên thửa đất, tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Ghi nhận sự tự nguyện bà S bồi hoàn giá trị căn nhà cho bà O số tiền 100.000.000đồng. Bà O không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 16/02/2022 nguyên đơn Lê Thị Thúy O kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bà O được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà O yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/5/2019 giữa ông C với bà S đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 71, diện tích 80m²; yêu cầu hủy những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long với nội dung “Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ánh S CMND số 331380543, địa chỉ tại ấp X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Vĩnh Long; theo hồ sơ số 008768.CN.001” và công nhận cho bà O được quyền sử dụng đất thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong thời gian sống chung, ông C và bà O tạo lập ra nhiều tài sản gồm thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long các thửa đất do ông Lê Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Bên cạnh những tài sản vợ chồng tạo lập được thì ông C bà O có các khoản nợ như nợ bà Út N số tiền 615.000.000 đồng, nợ bà Kiều 150.000.000 đồng, nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Z số tiền 800.000.000 đồng, nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Z số tiền 40.000.000 đồng. Ngoài ra, trước đó ông C bà O còn thế chấp thửa 264 để vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Z số tiền 300.000.000 đồng, hiện tại ông C đã trả xong khoản nợ này.

[3] Xét thấy, thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m², tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của ông C, bà O, thửa đất do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 28/5/2019 ông C chuyển nhượng thửa đất này cho bà Phan Thị Ánh S được ghi nhận tại mặt 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/5/2019. Tuy việc chuyển nhượng do ông C thực hiện, bà O không có ký tên chuyển nhượng, bà O cho rằng có biết việc chuyển nhượng này và có ngăn cản nhưng bà O không có chứng cứ chứng minh có ngăn cản việc chuyển nhượng và không có khiếu nại về việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Z ghi nhận việc ông C chuyển nhượng cho bà S tại mặt 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc khác, sau khi ông C chuyển nhượng thửa 264 cho bà S, ông C sử dụng nguồn tiền chuyển nhượng này để trả khoản nợ chung của vợ chồng cụ thể là trả nợ vay (gốc, lãi) cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt

Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Z mà trước đây vào ngày 18/7/2017 ông C, bà O đã thế chấp thửa 264 để vay của Ngân hàng số tiền gốc 300.000.000 đồng có xác nhận của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Z tại Công văn số 57/CV-VLO-PGDBM ngày 11/9/2020. Ngoài ra, tại lời khai của bà Lê Thị K ngày 13/11/2021 thể hiện ông C đã trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng, nguồn tiền trả nợ cho bà là do ông C bán đất, hiện nay ông C bà O không còn nợ bà Kiều.

Do đó, mặc dù việc chuyển nhượng thửa đất 264 giữa ông C và bà S không có ý kiến của bà O nhưng việc ông C chuyển nhượng nhằm thanh toán những khoản nợ của vợ chồng thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và bà S đối với thửa đất số 264, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z vẫn có giá trị pháp lý để đảm bảo quyền lợi của người nhận chuyển nhượng là đúng quy định. Do đó, cấp sơ thẩm công nhận cho bà Phan Thị Ánh S được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² (gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1), tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ.

Theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá ngày 16/5/2022 trên thửa đất 264 bà O có xây dựng một căn nhà trệt, khung sắt tiền chế, nền láng xi măng, mái tole, không trần, vách sử dụng nhò 01 bên vách còn lại xây tường dày 100mm; hiện khung sắt gỉ sét, nền lún nứt, giá trị thành tiền: 44.516.914đồng.

Xét thấy căn nhà bà O xây dựng loại nhà tiền chế, nếu tháo dỡ di dời sẽ không còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S xin nhận nhà và trả giá trị căn nhà 100.000.000đồng cho bà O là có lợi cho bà O nên ghi nhận.

Tuy nhiên, án sơ thẩm dành riêng cho bà O một vụ kiện khác về chia tài sản C các thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 246, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (các thửa đất do ông C đứng tên quyền sử dụng đất) nếu sau này có phát sinh tranh chấp là không đúng. Vì thửa đất số 246, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long đã công nhận cho bà Phan Thị Ánh S. Bà O được quyền khởi kiện chia tài sản C đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của bà O; Sửa án sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 4.250.000 đồng bà O phải chịu, do bà O đã nộp tạm ứng trước được khấu trừ, bà O đã nộp xong.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về con chung; về nợ chung; về việc đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà O tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; về dành cho bà O một vụ kiện khác về chia tài sản chung nếu sau này có phát sinh tranh chấp đối với thửa đất số 8; thửa đất số 29 với ông C; về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị Thúy O; Sửa Bản án sơ thẩm số: 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 500, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 143 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 227; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 04/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 06/4/2016 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận cho bà Phan Thị Ánh S được quyền sử dụng thửa đất số 264, tờ bản đồ 71, diện tích 80m² (gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1), loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và một căn nhà trệt, khung sắt tiền chế, nền láng xi măng, mái tole, không trần, vách sử dụng nhò 01 bên vách còn lại xây tường dày 100mm; hiện khung sắt gỉ sét, nền lún nứt.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

Đương sự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo pháp luật quy định.

2. Buộc bà Phan Thị Ánh S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị căn nhà trên thửa 264 cho bà Lê Thị Thúy O số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Bà Lê Thị Thúy O phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất không được chấp nhận là 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Z được chấp nhận là 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Phòng giao dịch Z được chấp nhận là 22.924.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng, bà Lê Thị Thúy O phải nộp án phí sơ thẩm là 26.579.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 31.172.000 đồng (Ba mươi một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 0009683, 0009684 cùng ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thúy O số tiền 4.593.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí.

4.2 Ông Lê Văn C phải nộp án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Z được chấp nhận là 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Phòng giao dịch Z được chấp nhận là 22.924.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng, ông Lê Văn C phải nộp án phí sơ thẩm là 24.199.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009621 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Ông Lê Văn C còn phải nộp tiếp 23.899.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí.

4.3 Bà Phan Thị Ánh S phải nộp án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009934 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Bà Phan Thị Ánh S phải nộp tiếp 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí.

4.4 Hoàn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 21.705.000 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai số 0010770 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

5. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả bà Lê Thị Thúy O 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0012494 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

6. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bà Lê Thị Thúy O phải nộp, do bà Lê Thị Thúy O đã nộp tạm ứng trước nên được khấu trừ, bà Lê Thị Thúy O đã nộp xong.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về con chung; về nợ chung; về việc đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà O tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.309,4m² tọa lạc ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 29, tờ bản đồ 71, diện tích 272,9m² tọa lạc ấp X4, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long; về dành cho bà O một vụ kiện khác về chia tài sản chung nếu sau này có yêu cầu; về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm

không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TX.BM 01;
- Chi cục TX.BM; 01;
- Đ/s: 09;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư